

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST.

Ngày: 12/5/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Đức Hơn và ông Trịnh Văn Thái.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Nhật Q(tên gọi khác: E), sinh năm 1991 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Nhật P, sinh năm 1949 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1956;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án:

- Ngày 16/8/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 69/2011/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2012;

- Ngày 29/11/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 18 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” và 12 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ” tại Bản án số 88/2013/HSST;

- Ngày 04/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện H.T. N, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 108/2013/HSST; Ngày 13/01/2014, Chánh án Tòa án nhân dân thị xã L tổng hợp hình phạt của Bản án số 88/2013/HSST của Tòa án nhân dân thị xã L và Bản án số 108/2013/HSST của Tòa án nhân dân huyện H.T. N, buộc Phạm Nhật Q phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù, Phạm Nhật Q chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2018;

Tiền sự: Không;

Hoạt động bản thân: Ngày 04/12/2007, bị Chủ tịch UBND thị xã L áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng, về hành vi nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đánh nhau tại Quyết định số 1849/QĐ-UBND;

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/02/2020 tại Nhà tạm giữ - Công an thị xã L; (Có mặt)

* **Bị hại:** Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm 1996 - Nơi cư trú: Khu phố 3, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ ngày 30/8/2019, bị cáo Phạm Nhật Q đi chơi về nhà thuộc khu phố 3, phường B, thị xã L, khi đi qua phòng ngủ của bà Phạm Thị Bích N (là em ruột của bị cáo Q) thấy có 02 điện thoại di động, gồm 01 chiếc hiệu Iphone 6 plus, gắn ốp nhựa màu vàng và một chiếc hiệu Oppo A83, gắn ốp nhựa màu đen của bà N để dưới gối, trên đầu giường nằm nên bị cáo Q nảy sinh ý định chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định trên, bị cáo Q đi vào, lén lút lấy 02 chiếc điện thoại trên bỏ vào túi xách đeo trên người rồi đi đến tiệm máy bán cá tại khu vực Gò Xoài thuộc thôn T, xã T.B để chơi. Khoảng hơn 04 giờ cùng ngày, bà N thức dậy, thấy điện thoại bị mất nên nghi ngờ bị cáo Q chiếm đoạt, bà N rủ chị gái cùng đi tìm bị cáo Q. Khi đi đến tiệm bán cá gặp Q, bà N hỏi về 02 chiếc điện thoại thì bị cáo Q nói “Tao lấy đó, mày làm gì tao” rồi đuổi bà N về. Sau đó, bà N đến Công an phường B.T trình báo, Công an mời bị cáo Q về làm việc thì bị cáo Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và giao lại 02 chiếc điện thoại đã chiếm đoạt.

*Theo kết luận định giá tài sản số:75/KL - ĐGTS ngày 11/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định: 01 điện thoại hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu vàng, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị: 2.800.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Oppo A83, màu xanh, ốp lưng bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị: 1.700.000 đồng; Tổng tài sản định giá là **4.500.000 đồng**.

Về vật chứng vụ án: Là 01 điện thoại hiệu Iphone 6 plus, màu vàng, ốp lưng bằng nhựa màu vàng và 01 điện thoại hiệu Oppo A83, màu xanh, ốp lưng bằng nhựa màu đen, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L đã trả lại cho bà Phạm Thị Bích N theo biên bản giao nhận ngày 18/11/2019.

Về dân sự: Bà Phạm Thị Bích N không yêu cầu bồi thường.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng số: 30/CT-VKS ngày 07/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố bị cáo Phạm Nhật Q, về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố:Bị cáo Phạm Nhật Q, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

*Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Phạm Nhật Q từ: 03 đến 04 năm tù.

- **Ý kiến của bị cáo Phạm Nhật Q:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến tranh luận.

* **Bị cáo Phạm Nhật Q nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa: Vắng mặt bị hại bà Phạm Thị Bích N.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt bị hại bà Phạm Thị Bích N không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ

vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy, lời khai của bị cáo Phạm Nhật Q tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận: Vào khoảng 04 giờ ngày 30/8/2019, tại nhà của bị cáo Phạm Nhật Q thuộc khu phố 3, phường B, thị xã L, bị cáo Q đã lén lút chiếm đoạt 02 điện thoại di động, gồm 01 chiếc hiệu Iphone 6 plus, gắn ốp nhựa màu vàng và một chiếc hiệu Oppo A83, gắn ốp nhựa màu đen, có tổng giá trị là **4.500.000 đồng** của bà Phạm Thị Bích N để dưới gối, trên đầu giường nằm nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự thì: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm.”

Đối chiếu quy định trên vào nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo Q lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 4.500.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, ngoài ra, bị cáo Q đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo là “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Phạm Nhật Q về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Phạm Nhật Q đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương và nguy hiểm cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhiều lần bị Tòa án kết án về tội “Trộm cắp tài sản” cho nên bản thân bị cáo nhận thức được “Trộm cắp tài sản” của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích bản thân, bị cáo bất chấp. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc nhằm cách ly bị cáo ra khỏi

đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo lao động, học tập, giáo dục trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong.

[8] Về dân sự: Bị hại bà Phạm Thị Bích N không yêu cầu bị cáo Q bồi thường, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Nhật Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: - Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

- Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Nhật Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Nhật Q 04 (bốn) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18/02/2020.

Về án phí: Bị cáo Phạm Nhật Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo Q có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**12/5/2020**). Riêng bị hại N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Vũ Toàn

- Lưu hồ sơ – án văn.